

Bản án số: 58/2022/DS-PT

Ngày 08 - 6 - 2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 47/2022/TLPT-DS ngày 21/4/2022 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Ngọc P** (tên gọi khác: Trần Ngọc Thâm), sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn Ch, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phán: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1967, (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Huỳnh Tố Hiền, Luật sư Công ty Luật TNHH Thái Sơn, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

2. Đồng bị đơn: Ông **Nguyễn Quốc K**, sinh năm 1981 và bà **La Tuyết H**, sinh năm 1985, (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người kháng cáo: Đồng bị đơn ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/11/2021 và lời khai của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Khoảng tháng 4/2012 vợ chồng bà có chuyển nhượng cho ông K, bà H phần đất chiều ngang giáp Quốc lộ 1A 4,2m, chiều ngang sau 1,9m, chiều dài 58,9m, đồng thời ông T là em bà chuyển nhượng cho ông K, bà H phần đất liền kề có chiều ngang giáp Quốc lộ 1A 02m, chiều ngang sau 4,8m, chiều dài 58,9m. Như vậy, phần đất ông K nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà và của ông T có tổng chiều ngang giáp Quốc lộ 1A là 6,2m, chiều ngang sau 6,7m, chiều dài 58,9m, tổng diện tích 379,9m², phần đất còn lại của bà sau khi chuyển nhượng giáp với đất của ông K, bà H ở cạnh hướng Nam. Sau khi nhận chuyển nhượng ông K, bà H kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 2683, tờ bản đồ số 16, sau đó ông K, bà H xây tường rào bao quanh phần đất nhận chuyển nhượng.

Năm 2018 bà xây dựng tường rào bằng gạch lên cao khoảng 0,6m có trụ bê tông, trên rào lưới B40 bao quanh, khi xây tường rào có ông K và ông N đo đạc xác định ranh đất giữa đất bà với đất ông K để bà xây hàng rào. Nay bà tháo dỡ phần lưới B40 bên trên hàng rào để xây gạch nối từ chân hàng rào cũ lên cao thì ông K ngăn cản, không cho bà xây hàng rào, từ đó phát sinh tranh chấp về ranh đất, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần đất chiều ngang 0,2m, chiều dài 56,9m, tại thửa 1155, tờ bản đồ số 16 thuộc quyền sử dụng của bà chứ không phải của ông K, bà H. Ngoài ra, bà P còn có yêu cầu ông K, bà H chặt bỏ ngọn dừa ngã qua phần đất của bà.

Theo bị đơn ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H thống nhất trình bày: Khoảng tháng 4/2012 vợ chồng ông, bà có nhận chuyển nhượng của ông Lê Trung M chồng bà P phần đất chiều ngang giáp Quốc lộ 1A 4,2m, chiều ngang sau 2,4m, chiều dài 69,5m và nhận chuyển nhượng của ông T (em bà P) phần đất liền kề chiều ngang giáp Quốc lộ 1A 02m, chiều ngang sau 4,8m, chiều dài 69,5m, việc chuyển nhượng đất có làm hợp đồng tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi nhận chuyển nhượng đất vợ chồng ông đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 379,9m², tại thửa 2683, tờ bản đồ số 16. Hiện trạng phần đất của ông nhận chuyển nhượng có một cạnh giáp với phần đất còn lại của ông M. Tuy hai bên không cắm mốc xác định ranh nhưng thống nhất lấy cột mốc của ông L ở hướng giáp Quốc lộ 1A làm ranh đo qua giáp phần đất còn lại của ông M để xác định phần đất của vợ chồng ông có chiều ngang giáp Quốc lộ 1A là 6,2m, còn cạnh ngang phía sau thì không có xác định ranh đất, chỉ có phần đất ông nhận chuyển nhượng của ông T giáp với phần đất của ông H. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, năm 2012 ông đã xây nhà ở và xây hàng rào từ Quốc lộ 1A vào khoảng 12m – 13m, đến năm 2017 ông tiếp tục xây dựng hàng rào đến hết căn nhà chính, năm 2018 bà P xây hàng rào tiếp với hàng rào ông bà xây đến hết phần đất, khi xây dựng hàng rào phía sau, trước đây vợ chồng ông và ông M chồng bà P có thỏa thuận mỗi bên chừa ra chiều ngang 0,3m chiều dài 15m để làm đường mương thoát nước, việc thỏa thuận không làm giấy tờ.

Nay ông K, bà H không đồng ý công nhận phần đất diện tích chiều ngang 0,2m, dài 56,9m diện tích 11,1m², tại thửa 1155, tờ bản đồ số 16 thuộc quyền sử dụng của bà P, theo yêu cầu khởi kiện của bà P.

Theo yêu cầu phản tố của ông K, bà H yêu cầu bà Phan tháo dỡ phần hàng rào đã xây dựng lấn qua phần đất của ông bà, tại vị trí mà trước đây ông M và vợ chồng ông, bà đã thỏa thuận chừa ra để làm đường xỏ nước chiều ngang 0,3m, chiều dài 15m, diện tích 4,5m².

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc P về việc yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 11,1m² thuộc quyền sử dụng đất của bà P.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc P đối với ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H. Buộc ông K, bà H chặt bỏ ngọn cây dừa ngã qua phần đất của bà P (qua hết đoạn tường rào của bà P).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H đối với bà Trần Ngọc P về việc yêu cầu bà P đập bỏ tường rào và trả lại diện tích đất 4,5m² cho ông K, bà H.

4. Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 6.961.608đ. Bà Trần Ngọc P phải chịu số tiền 3.480.804đ; ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H phải chịu chung số tiền 3.480.804đ, buộc ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H cùng có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Trần Ngọc P số tiền 3.480.804đ (Ba triệu, bốn trăm tám mươi ngàn, tám trăm lẻ bốn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/3/2022 đồng bị đơn ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố buộc bà P tháo dỡ hàng rào trả lại phần đất diện tích 4,5m², không đồng ý chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu quan điểm và đề xuất: Phần đất theo yêu cầu khởi kiện của bà P qua đo đạc thực tế, cơ quan chuyên môn xác định nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P là đương nhiên của bà P, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P và bà P đồng ý, không kháng cáo. Đối với yêu cầu phản tố của ông K, bà H qua đo đạc thực tế, cơ quan chuyên môn xác định có diện tích 3,375m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P, phần diện tích 1,125m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K, bà H, cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu phản tố của ông K, bà H là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của ông K, bà H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 48, Điều 285, Điều 286 Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý, về thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng với quy định tại các Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Về nguồn gốc đất tranh chấp các đương sự đều thống nhất xác định của vợ chồng bà P, ông T chuyển nhượng cho vợ chồng ông K, bà H từ năm 2012. Sau khi nhận chuyển nhượng ông K, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đo đạc thực tế. Tại Công văn của Phòng TN&MT huyện đã xác định cụ thể từng diện tích đất tranh chấp do các bên xác định đều nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ Mảnh trích đo địa chính của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu thể hiện, cạnh chiều ngang đất của ông K phía sau được cấp giấy chứng nhận là 6,7m, nhưng đo đạc thực tế có cạnh chiều ngang phía sau là 6,83m. Như vậy, cho thấy thực tế chiều ngang phần đất ông K, bà H đang sử dụng lớn hơn cạnh chiều ngang ông K, bà H được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, vợ chồng ông K đều xác định ranh đất của ông K với các hộ giáp ranh có xây tường rào bao quanh, nên phần nào đã thể hiện ranh đất rõ ràng, ổn định. Do đó, yêu cầu phản tố của vợ chồng ông K, bà H không có căn cứ chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu là phù hợp.

Đối với kháng cáo chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, theo quy định Điều 157, khoản 1 và khoản 6 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản khi yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận. Do yêu cầu phản tố của vợ chồng ông K không được chấp nhận và yêu cầu khởi kiện của bà P cũng không được chấp nhận 01 phần, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia đôi số tiền thẩm định là phù hợp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về mối quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi lại quyền sử dụng đất, nên đây là vụ án tranh chấp về đất đai, theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do tranh chấp về đất đai và phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về nội dung và hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông K, bà H còn trong thời hạn luật định, nội dung và hình thức đơn kháng cáo đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Về nguồn gốc phần đất tranh chấp các bên thống nhất xác định của vợ chồng bà P chuyển nhượng cho ông K, bà H và các bên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng các bên không thống nhất được với nhau về ranh đất, nên phát sinh tranh chấp. Bà P yêu cầu công nhận phần đất chiều ngang 0,2m, chiều dài theo ranh hiện trạng, diện tích 11,1m², vì phần đất này bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu ông K, bà H chặt ngọn dừa ngã qua phần đất của bà; bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu bà P tháo dỡ hàng rào trả lại phần đất lấn chiếm chiều ngang 0,3m chiều dài 15m, diện tích 4,5m². Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên.

[3] Xét kháng cáo của ông K, bà H, căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do các đương sự xác định lập ngày 06/01/2021 và mảnh trích đo địa chính của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường lập ngày 02/02/2021, thể hiện các phần đất tranh chấp, có vị trí, số đo các cạnh như sau:

[3.1] Phần đất do bà P khởi kiện diện tích 11,1m²:

- Cạnh hướng Đông có số đo 0,2m
- Cạnh hướng Tây có số đo 0,2m
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất của bà P có số đo 55,41m
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của ông K, bà H có số đo 55,41m.

Theo Công văn số 146/TNMT ngày 16/7/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V xác định: Phần đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của bà P diện tích 11,1m² nằm tại thửa 1155, tờ bản đồ số 16 bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/8/2018.

[3.2] Phần đất ông K, bà H có yêu cầu phản tố diện tích 4,5m².

- Cạnh hướng Đông có số đo 0,3m
- Cạnh hướng Tây có số đo 0,3m
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất của bà P có số đo 15m
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của ông K, bà H có số đo 15m.

Theo Công văn số 146/TNMT ngày 16/7/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V xác định: Trong $4,5\text{m}^2$ đo đạc thực tế có $3,375\text{m}^2$ thuộc một phần thửa 1155, tờ bản đồ số 16 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà P đứng tên giấy, có vị trí, số đo các cạnh như sau:

Cạnh hướng Đông có số đo $0,15\text{m}$

Cạnh hướng Tây có số đo $0,3\text{m}$

Cạnh hướng Nam giáp phần đất của bà P có số đo 15m

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của ông K, bà H có số đo 15m .

Phần diện tích $1,125\text{m}^2$ thuộc một phần thửa 2683, tờ bản đồ số 16 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông K, bà H, có vị trí, số đo các cạnh như sau:

Cạnh hướng Đông có số đo $0,15\text{m}$

Cạnh hướng Tây có số đo $0,00\text{m}$

Cạnh hướng Nam giáp phần đất của bà P có số đo 15m

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của ông K, bà H có số đo 15m .

Hiện trạng trên phần đất ông K, bà H yêu cầu có tường rào do bà Ph xây dựng, ông K yêu cầu bà P tháo dỡ hàng rào để trả lại phần đất cho ông.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông M chồng bà P và phần đất của ông T, các bên tiến hành xây dựng hàng rào bao quanh đất và các bên cũng đã kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên không có khiếu nại về diện tích đất được cấp giấy và khi xây dựng hàng rào không phát sinh tranh chấp, các bên sử dụng ranh đất ổn định. Căn cứ vào sự xác định ranh đất của các bên và việc đo đạc của cơ quan chuyên môn thể hiện, phần đất ông K, bà H yêu cầu bà P trả lại diện tích $4,5\text{m}^2$, trong đó có $3,375\text{m}^2$ bà P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nằm trong hàng rào của bà P, chỉ có phần diện tích $1,125\text{m}^2$ ông K, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nằm ngoài hàng rào của bà P, bà P cũng không quản lý, sử dụng phần đất diện tích $1,125\text{m}^2$. Do đó, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông K, bà H là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông K, bà H.

[4] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do các đương sự xác định lập ngày 06/01/2021 và mảnh trích đo địa chính của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường lập ngày 02/02/2021, thể hiện có phần đất nằm giữa ranh hiện trạng do bà P xác định và ranh đất do ông K xác định tại các điểm từ M1 đến M5 có diện tích $8,4\text{m}^2$, trong quá trình giải quyết bà P và ông K, bà H không có yêu cầu xem xét giải quyết, nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết.

[5] Xét kháng cáo của ông K, bà H không đồng ý chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy, do yêu cầu phản tố của ông K, bà H không được Tòa án chấp nhận, nên cấp sơ thẩm buộc ông

K, bà H phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là đúng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của ông K, bà H.

[6] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Luật sư và Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Các phần Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc K, bà La Tuyết H kháng cáo không được Tòa án chấp nhận, nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Khởi và bà La Tuyết Hồng, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DSST ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 165, khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175, 176 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc P đối với ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H.

Buộc ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H chặt bỏ ngọn dừa ngã lấn sang phần đất của bà Trần Ngọc P.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc P yêu cầu công nhận phần đất diện tích 11,1m² thuộc một phần thửa 1155, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, phần đất có vị trí, số đo các cạnh như sau:

Cạnh hướng Đông có số đo 0,2m

Cạnh hướng Tây có số đo 0,2m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất của bà P có số đo 55,41m

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của ông K, bà H có số đo 55,41m.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H đòi bà Trần Ngọc P tháo dỡ hàng rào trả phần đất diện tích 4,5m² tại một phần thửa 1155, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, phần đất có vị trí, số đo các cạnh như sau:

Cạnh hướng Đông có số đo 0,3m

Cạnh hướng Tây có số đo 0,3m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất của bà P có số đo 15m

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của ông K, bà H có số đo 15m.

(Mảnh trích đo địa chính thửa đất là một phần không thể tách rời bản án)

4. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định, định giá và án phí dân sự phúc thẩm:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc P phải chịu 300.000đ, ông Nguyễn Tấn Th nộp tạm ứng án phí thay cho bà P số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0008395 ngày 12/11/2020 và bà Hồ Huỳnh Tố Hiền nộp tạm ứng án phí thay cho bà P số tiền 300.000đ, theo biên lai thu số 0000698 ngày 04/11/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), hoàn trả lại cho bà Trần Ngọc P số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

- Ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), ông K đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ, theo biên lai thu số 0008406 ngày 20/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí.

4.2. Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản số tiền 6.961.608đ:

- Bà Trần Ngọc P phải chịu số tiền 3.480.804đ (Ba triệu, bốn trăm tám mươi ngàn, tám trăm lẻ bốn đồng).

- Ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H phải chịu chung số tiền 3.480.804đ (Ba triệu, bốn trăm tám mươi ngàn, tám trăm lẻ bốn đồng), buộc ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H cùng có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Trần Ngọc P số tiền 3.480.804đ (Ba triệu, bốn trăm tám mươi ngàn, tám trăm lẻ bốn đồng).

4.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc K và bà La Tuyết H phải chịu 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng), ông Nguyễn C đã nộp tạm ứng án phí thay cho ông K, bà H số tiền 600.000đ, theo biên lai thu số 0000905 ngày 08/3/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn